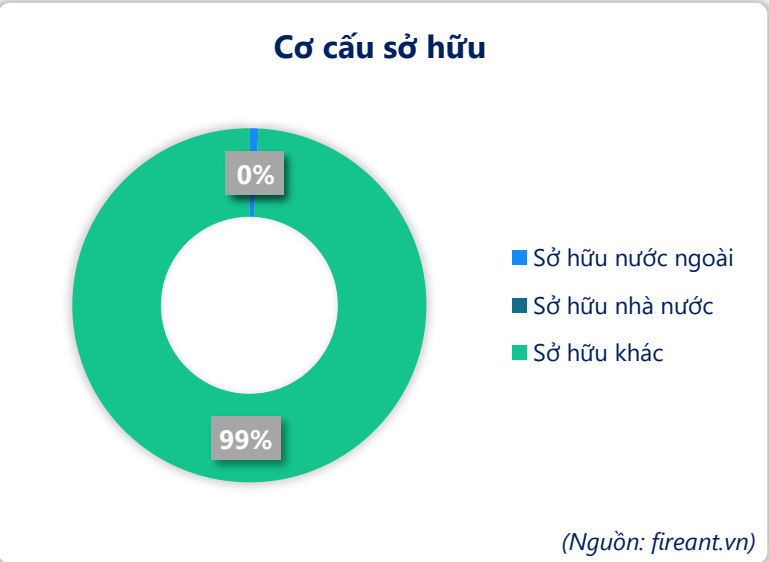
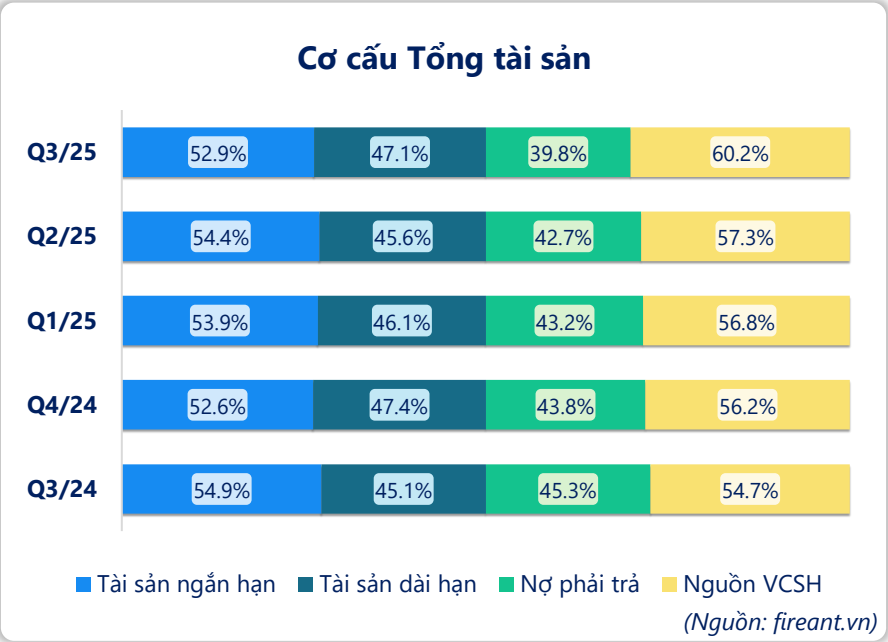
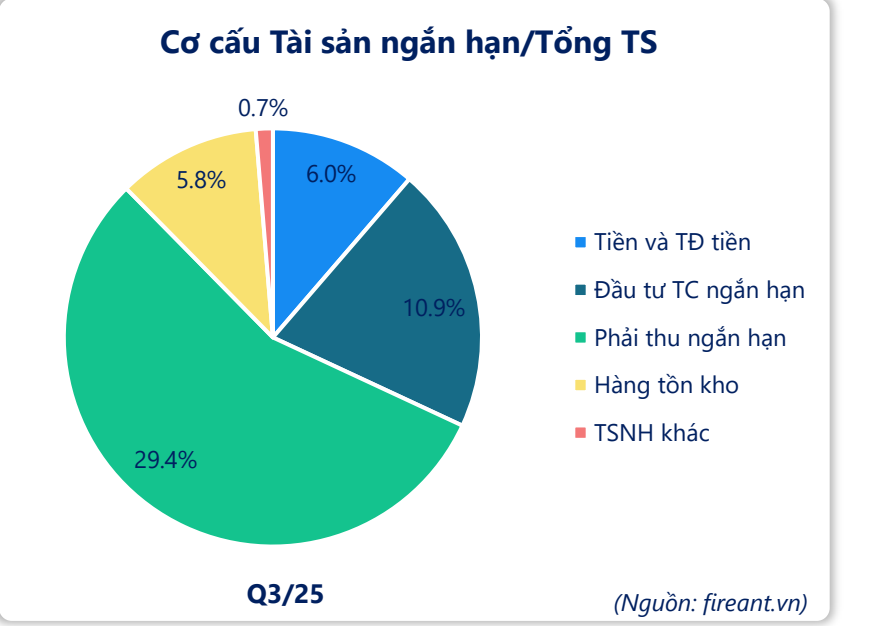
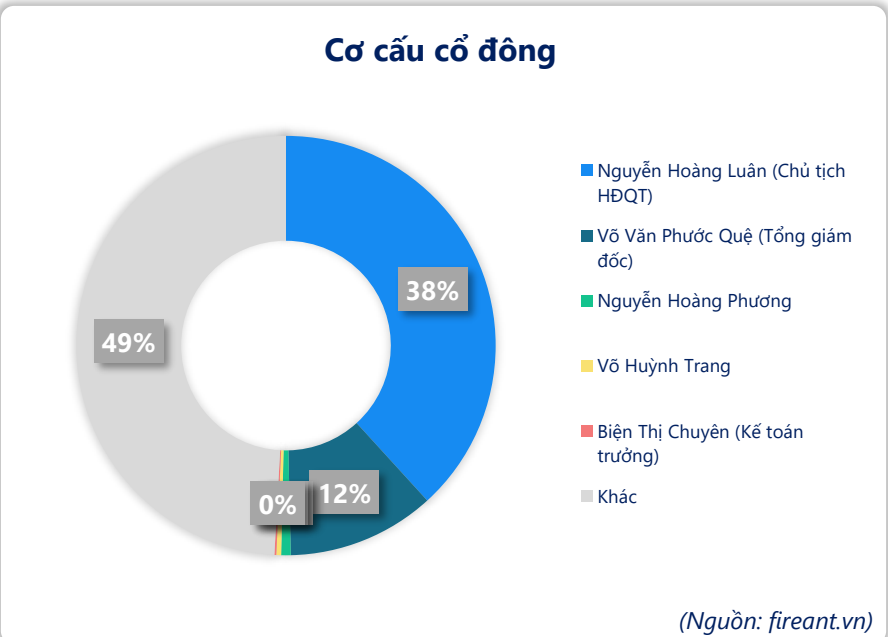
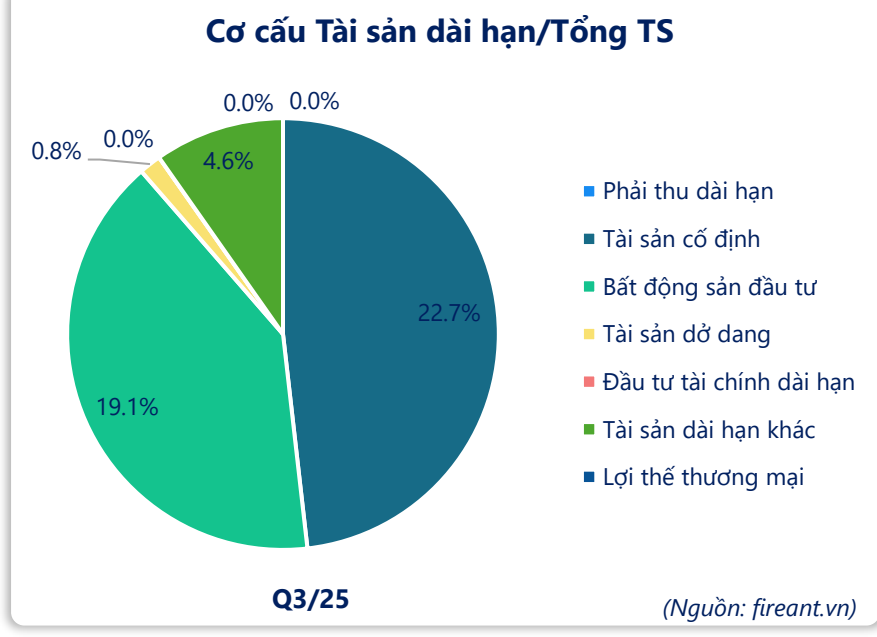
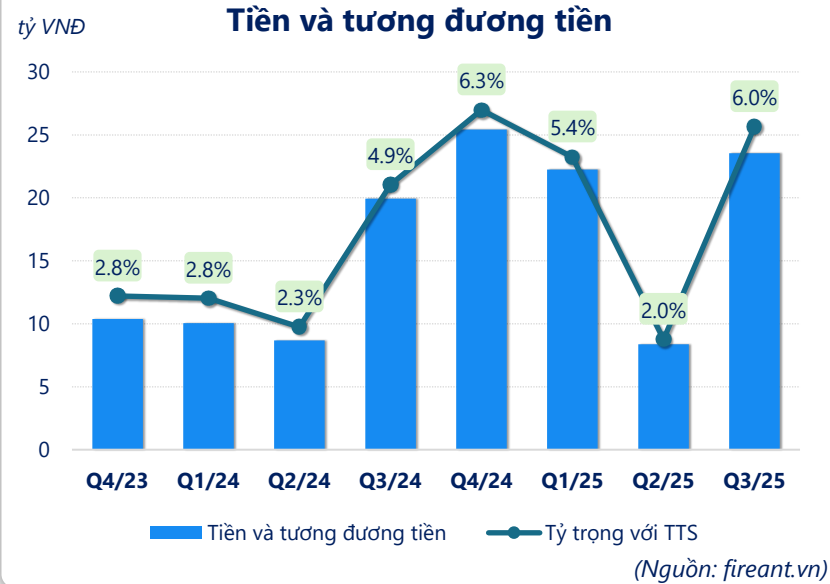
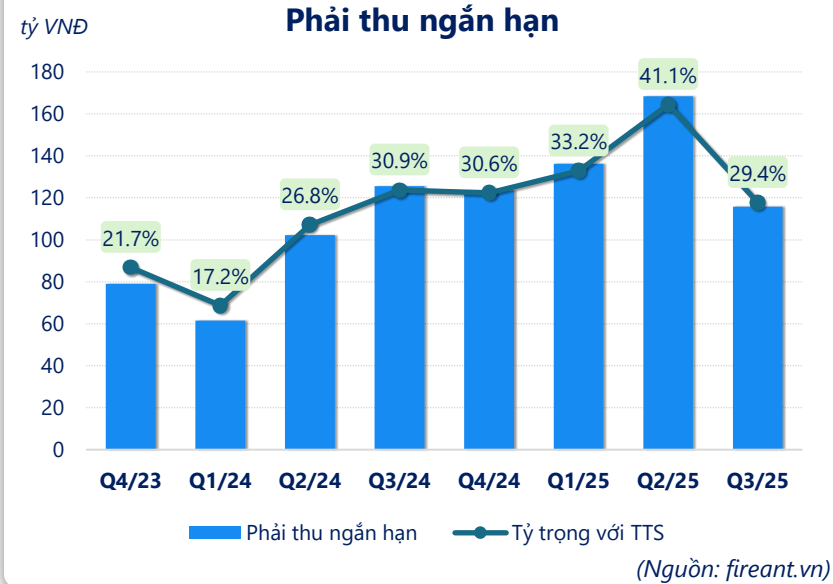
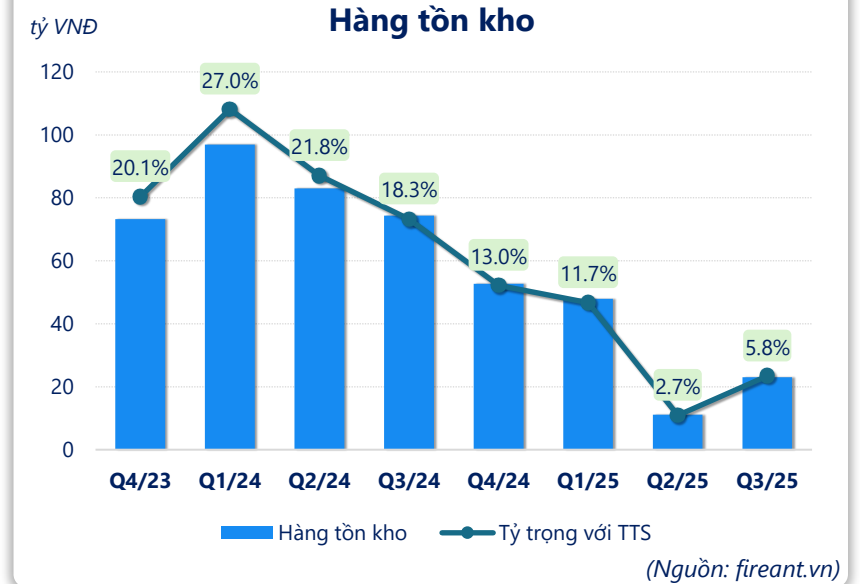
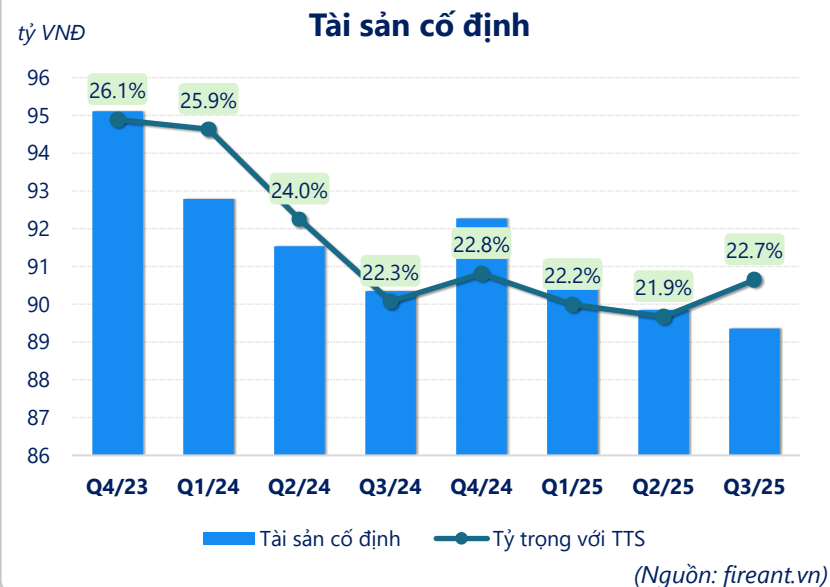
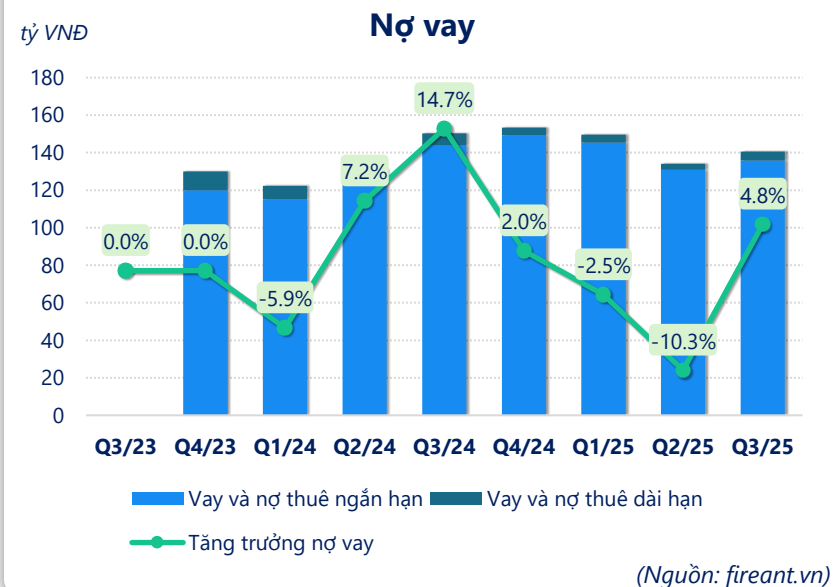
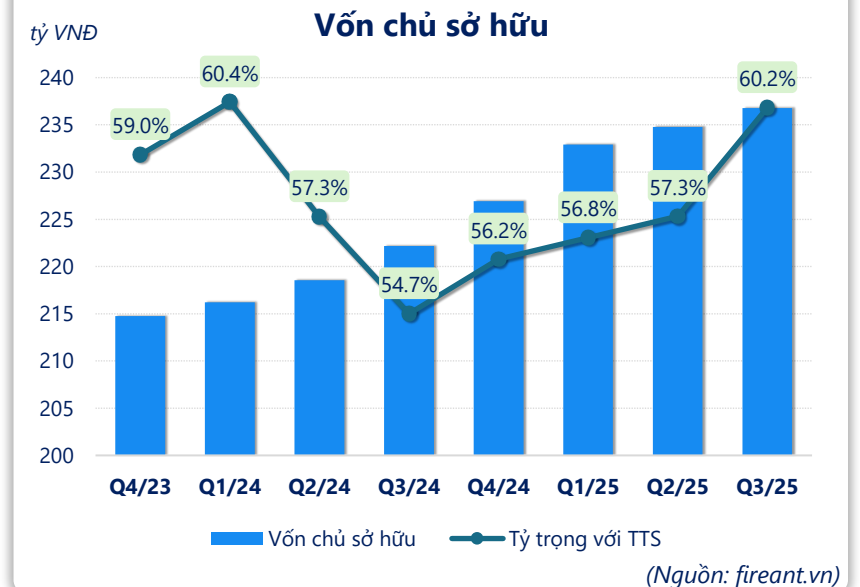
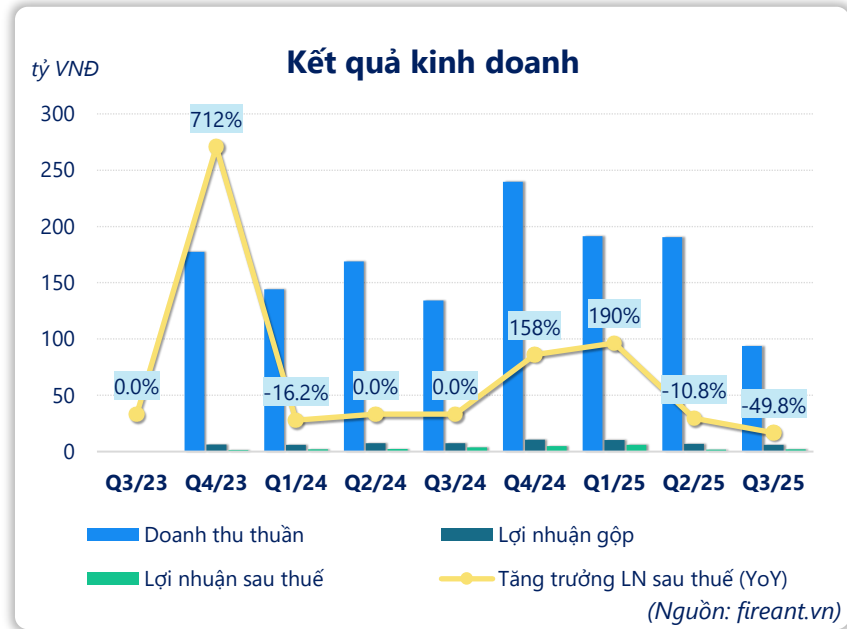
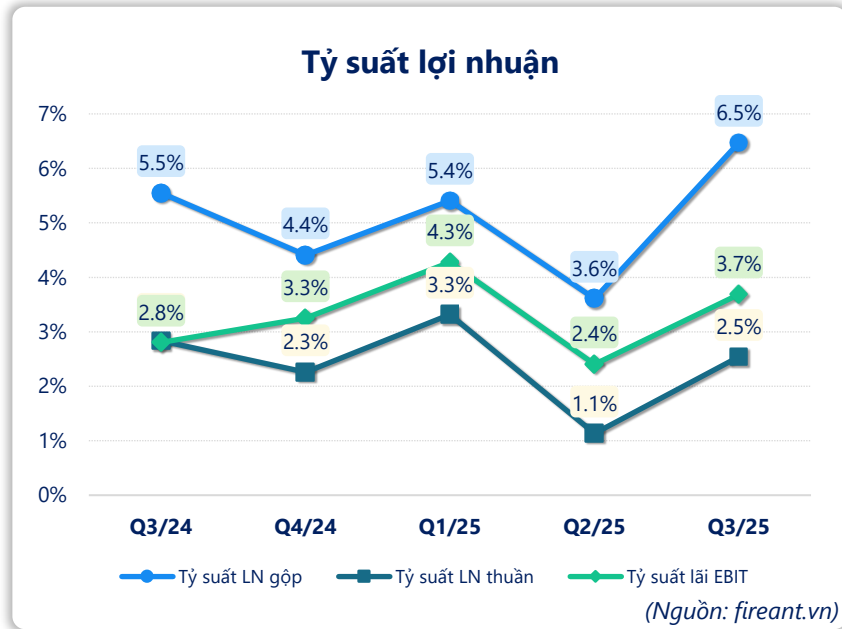
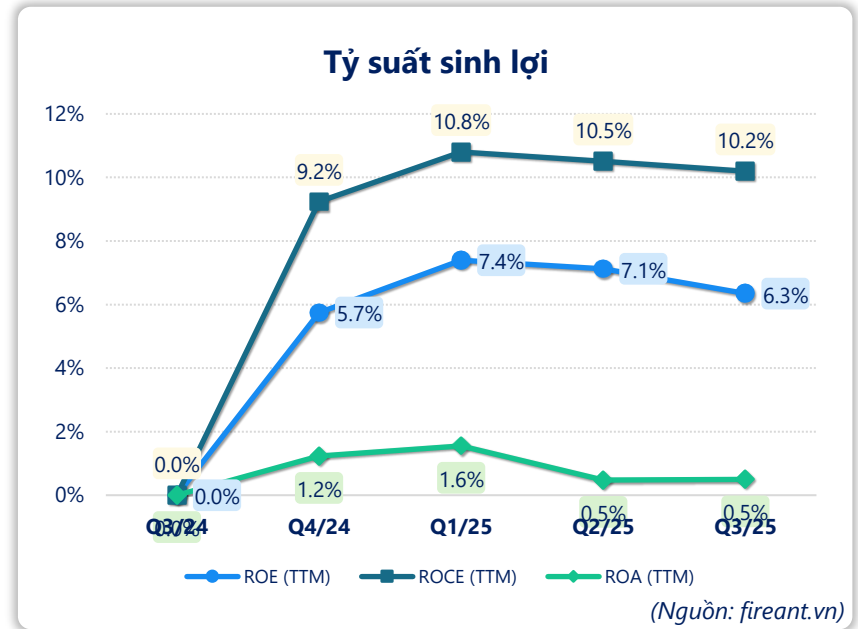
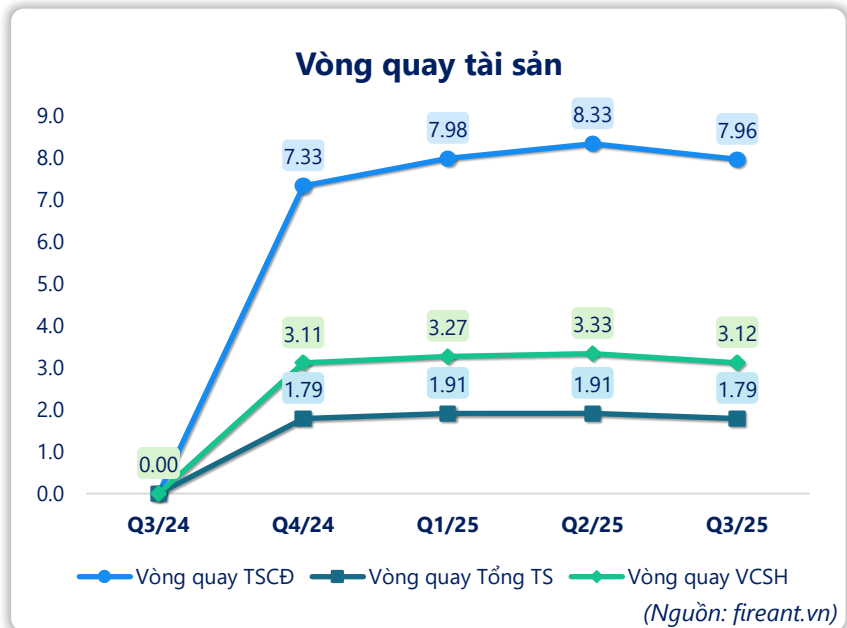
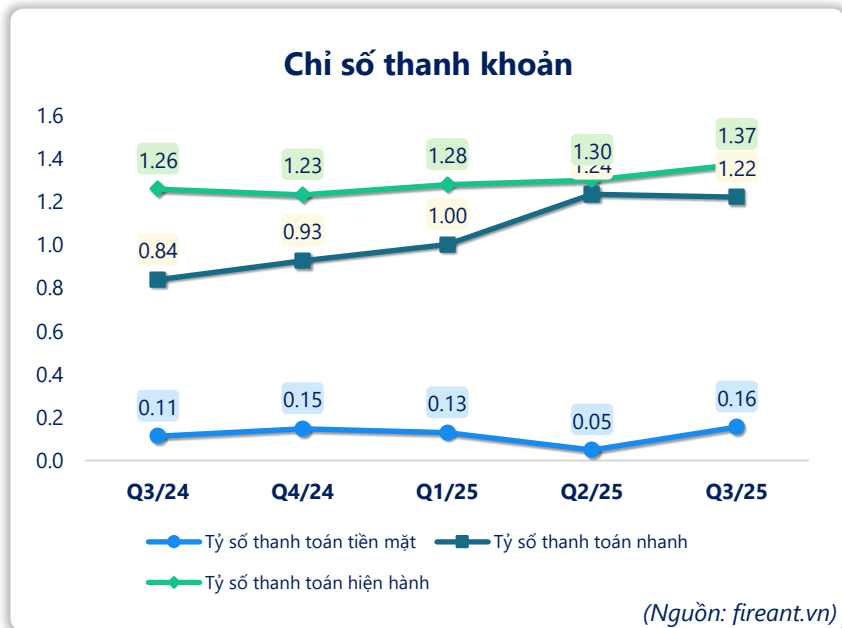
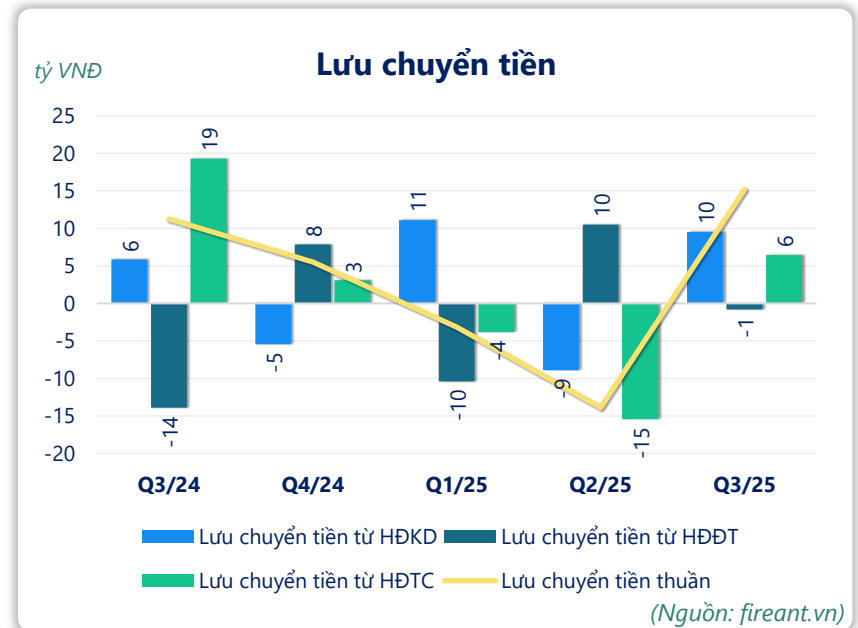


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		15,200
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		34,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		13,400
SL cổ phiếu LH		17,679,982
KLGD BQ 20 phiên (CP)		232,895
% sở hữu nước ngoài		0.8%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		269
P/E		18.5
EPS		823

	YTD	1T	3T	6T
AVG	-50.0%	-11.1%	-6.7%	-26.6%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	393	404	-2.6%
Tài sản ngắn hạn	208	212	-2.1%
Tiền và tương đương tiền	23.5	25.4	-7.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	42.8	7.76	452%
Phải thu ngắn hạn	116	124	-6.3%
Hàng tồn kho	23.0	52.7	-56.4%
Tài sản ngắn hạn khác	2.74	3.01	-9.1%
Tài sản dài hạn	185	191	-3.1%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	89.4	92.3	-3.2%
Bất động sản đầu tư	74.9	77.6	-3.5%
Tài sản dở dang	3.07	3.07	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	18.1	18.4	-1.8%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	157	177	-11.5%
Nợ ngắn hạn	151	172	-12.2%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	136	149	-9.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	13.3	20.9	-36.4%
Nợ dài hạn	5.23	4.61	13.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	4.83	4.20	14.9%
Nguồn vốn chủ sở hữu	237	227	4.3%
Vốn chủ sở hữu	237	227	4.3%
Vốn điều lệ	177	177	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	134	240	191	190	93.8
Giá vốn hàng bán	127	229	181	184	87.8
Lợi nhuận gộp	7.45	10.6	10.3	6.87	6.07
Doanh thu HĐTC	0.01	0.03	0.01	0.08	0.00
Chi phí TC	2.14	2.71	1.87	2.56	1.39
Chi phí lãi vay	0	2.71	1.87	2.56	1.39
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.52	0.75	0.73	0.65	0.56
Chi phí QLDN	0.99	1.72	1.41	1.58	1.74
LN thuần từ HĐKD	3.81	5.41	6.34	2.16	2.38
Lợi nhuận khác	-0.05	-0.33	-0.04	-0.14	-0.31
LN trước thuế	3.76	5.08	6.31	2.02	2.07
Lợi nhuận sau thuế	3.61	4.76	5.99	1.87	2.00
LNST của CĐ cty mẹ	3.57	4.73	5.96	1.89	1.98

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	5.86	-5.43	11.1	-8.91	9.52
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-13.9	7.86	-10.4	10.5	-0.80
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	19.3	3.07	-3.85	-15.4	6.45
Tiền đầu kỳ	8.67	19.9	25.4	22.3	8.37
Lưu chuyển tiền thuần	11.2	5.50	-3.16	-13.9	15.2
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	19.9	25.4	22.3	8.37	23.5

(Nguồn: fireant.vn)